TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Vũ, ông Trần Thanh Hoài

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoài Trinh.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi (Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ cũ), mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/QĐST-DS ngày 13/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T - Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh B (theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc - Ngân hàng N1 và PTNNVN "V/v: Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án").

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V1 - Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh B (Theo Giấy ủy quyền số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023). Ông V1 có mặt

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn Làng T2, xã B, tỉnh Quảng Ngãi). (Vắng mặt

không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là A) trình bày:

Ngày 18/04/2022, A đã ký hợp đồng tín dụng số 4509LAV202200529 với bà Phạm Thị T1 để cho vay số tiền 130.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu đồng chẵn). Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 18/04/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị T1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như cam kết. A đã nhiều lần liên hệ, làm việc và nhắc nhở nhưng bà T1 không thực hiện đúng cam kết. Tính đến ngày 30/9/2025, khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn, cụ thể: Nợ gốc: 120.000.000 đồng; Nợ lãi (trong hạn và quá hạn): 22.716.806 đồng; Tổng cộng: 142.716.806 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm mười sáu nghìn tám trăm lẽ sáu đồng).

Về biện pháp bảo đảm: Để đáp ứng điều kiện vay vốn, bà Phạm Thị T1 đã nộp cho A Chi nhánh huyện B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BS 421384, số vào sổ CH 04632 do UBND huyện B cấp ngày 30/10/2014. Khoản vay được thực hiện theo cơ chế bảo đảm tiền vay quy định tại Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ.

Do bà Phạm Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, nay A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ giải quyết:

Buộc bà Phạm Thị T1 phải thanh toán cho A toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 142.716.806 đồng, trong đó: Nợ gốc: 120.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn và quá hạn: 22.716.806 đồng.

Buộc bà Phạm Thị T1 phải tiếp tục thanh toán lãi, lãi quá hạn và các khoản phí phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4509LAV202200529 kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi cho A.

Ngoài ra, A đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị T1: Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà Phạm Thị T1. Tuy nhiên, bị đơn cố tình vắng mặt, không cung cấp bản tự khai, không tham gia phiên tòa, không đưa ra bất kỳ ý kiến phản bác

nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**.** Do đó, Tòa án không có căn cứ ghi nhận lời khai của bị đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Ngày 18/04/2022, bà Phạm Thị T1 có ký hợp đồng tín dụng số 4509LAV202200529 với A Chi nhánh huyện B để vay số tiền 130.000.000 đồng. Đến ngày 30/9/2025, bà T1 còn nợ A số tiền 142.716.806 đồng, trong đó nợ gốc 120.000.000 đồng, nợ lãi 22.716.806 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – A chi nhánh B.

Buộc bà Phạm Thị T1 thanh toán cho A số tiền 142.716.806 đồng, trong đó nợ gốc 120.000.000 đồng, nợ lãi 22.716.806 đồng.

Buộc bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N (A) – Chi nhánh huyện B với bà Phạm Thị T1. Quan hệ pháp luật này được điều chỉnh bởi các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn bà Phạm Thị T1. Tuy nhiên, bà Phạm Thị T1 vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202200529 ngày 18/04/2022 giữa A và bà Phạm Thị T1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp về hình thức và nội dung. Theo hợp đồng, A đã giải ngân cho bà T1 số tiền 130.000.000 đồng. Đến ngày 30/9/2025, bà T1 còn dư nợ gốc 120.000.000 đồng, nợ lãi 22.716.806 đồng, tổng cộng 142.716.806 đồng. Việc bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Do đó, yêu cầu của A buộc bà T1 thanh toán số tiền nêu trên là có căn cứ, phù hợp các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất sau ngày 30/9/2025: Các bên đã thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng là 10%/năm, không trái quy định pháp luật. Vì vậy, kể từ ngày 01/10/2025, bà Phạm Thị T1 còn phải tiếp tục trả lãi đối với số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả xong, theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát: Quan điểm đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp có giá ngạch là 5% giá trị nghĩa vụ phải thực hiện. Trong vụ án này, giá trị nghĩa vụ là 142.716.806 đồng, án phí là 7.136.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, bà Phạm Thị T1 phải chịu toàn bộ án phí này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017);Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (A).

2. Buộc bị đơn bà Phạm Thị T1 phải thanh toán cho A số tiền tổng cộng 142.716.806 đồng *(Một trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm mười sau ngàn, tám trăm lẽ sáu đồng*), trong đó: Nợ gốc: 120.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn và quá hạn: 22.716.806 đồng.

3. Kể từ ngày 01/10/2025, bà Phạm Thị T1 còn phải tiếp tục trả lãi đối với số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4509LAV202200529, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị T1 phải chịu 7.136.000 đồng (bảy triệu một trăm ba mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N (A) không phải chịu án phí. Hoàn trả cho A thông qua người đại diện ông Nguyễn Thế V1 số tiền 3.304.500đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004849 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6-Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án có quyền thỏa thuận, yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Ngoan